

Án số: 72/2018/HSST
Ngày: 22/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Có – Nguyên giáo viên
Ông Trần Huy Liên – Cán bộ nghỉ hưu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 22 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2018/HSST ngày 02 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Duy Đ**, sinh năm 1994, tại Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT: đường P, phường P, Nha Trang, Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: 123 N, phường V, Tp. Nha Trang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12. Con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/3/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt về 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/11/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt.

2. **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm 2001, tại P; Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã X, TX. S, Phú Yên; chỗ ở hiện nay: 123 N, phường V, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Nguyễn Ngọc T và bà Phan Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Ngày 06/02/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt về 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/11/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt.

- *Đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Ngọc Th* là ông **Nguyễn Ngọc T** và bà **Phan Thị**.

Nơi cư trú: Tổ 2 H, phường V, Tp. Nha Trang. Bà T có mặt, ông T vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Th*, Luật sư Lê Đình Hoàn – Văn phòng luật sư Phan Tấn Hùng và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

- *Người bị hại*: 1. Ông Phan Tuấn V

Địa chỉ: Tổ 17 T, V, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông **Trương Đình V** - Địa chỉ: 21/1/2 H, T, phường V, TP. Nha Trang. Có mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị Ngọc H** - Địa chỉ: Số 9 T, phường V, TP. Nha Trang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Chu Thị Ngọc H** - Địa chỉ: 21 T, phường V, TP. Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Ông **Bùi Văn D** - Địa chỉ: Thôn P, xã V, Thành phố Nha Trang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ ngày 02/11/2017 đến ngày 15/11/2017, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Duy Đ và đồng phạm đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe máy, tiêu thụ tài sản trộm cắp trên địa bàn thành phố Nha Trang, cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 02/11/2017 sau khi cùng chơi game bắn cá tại khu vực dốc lầu 7, V, Nha Trang, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Ngọc Th và đối tượng tên D (chưa xác định được nhân thân lai lịch) đi bộ về nhà. Khi đi ra khỏi tiệm game, Th phát hiện xe máy hiệu Honda AirBlade (BKS 79N1 – 833.20) của anh Phan Tuấn V, sinh năm 1978- Trú tại: Tổ 17, T, V, Nha Trang đang dựng trước quán hót tóc Phúc T – đường 2/4, V, Nha Trang, nhưng không có người trông giữ. Th rủ Đ và D cùng trộm cắp chiếc xe máy trên, Đ và D cảnh giới còn Th dùng đoạn mang theo bẻ khóa lấy xe chạy đi về hướng bến xe phía Bắc. Thấy Th lấy được xe, Đ và D vào tiệm game mượn xe Wawe đuổi theo Th. Khi đến bến xe phía bắc thì đuổi kịp. Sau khi trao đổi biển số xe trộm cắp với xe Wawe, cả nhóm chạy về phòng trọ tại số 123 N, V, Nha Trang, tháo BKS 79N1-833.20 cất giữ. Sau đó, D mang xe đi bán được 5.000.000 đồng, số tiền này D lấy 1.000.000 đồng, đưa cho Đ 2.000.000 đồng và Th 2.000.000 đồng. Bên trong cốp xe trộm cắp có 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt đính đá và một số giấy tờ tùy thân khác thì đều để lại trong phòng trọ.

Tại Bản kết luận giám định tài sản số 402/TCKH ngày 17/11/2017 và Bản kết luận giám định tài sản số 473 /HĐĐG ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Honda AirBlade (BKS 79N1 – 833.20) có giá trị 28.120.000 đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn*), chiếc nhẫn vàng có giá trị 3.700.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*), ví nam giả da, KT: 10cm x 15

cm có giá trị 200.000 đồng. Tổng cộng 32.020.000 đồng (*Ba hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).

Vụ 2: Khoảng 07 giờ 00 ngày 15/11/2017, Th đi bộ trên đường T, V, Nha Trang. Khi đi ngang nhà 26 T thì phát hiện xe máy hiệu Honda AirBlade BKS 79N1-639.92 của anh Trương Đình V, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ 22, T, V, Nha Trang dựng trước nhà, chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa, nhưng không có người trông coi, Th đến lấy trộm xe máy chạy về phòng trọ của Đ. Th nói với Đ đây là xe máy vừa trộm cắp được và lục bóp lấy 2.300.000 đồng, đưa cho Đ 2.000.000 đồng để góp tiền thuê nhà. Anh V trình báo trong bóp xe có 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 79N1 – 639.92; 01 CMND, 01 sổ bảo hành mang tên Trương Đình V; 01 ví tiền có khoảng 4.500.000 đồng; 01 chìa khóa xe ô tô và một số giấy tờ tùy thân liên quan khác. Sau đó, D đến chơi thì Đ nhờ D đi tiêu thụ xe. Sau khi bán được xe với giá 5.000.000 đồng, 16 giờ chiều D về đưa cho Đ 2.500.000 đồng, Th 1.500.000 đồng và D lấy 1.000.000 đồng. Còn tất cả giấy tờ trong bóp xe thì để lại trong phòng trọ của Đ.

Tại Bản kết luận giám định tài sản số 402/TCKH ngày 17/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Honda AirBlade (BKS 79N1 – 639.92) có giá trị 23.560.000 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn*).

Vụ 3: Khoảng 18 giờ 30 ngày 15/11/2017 Th đi ngang qua nhà số 09 T thì phát hiện 01 xe máy Honda AirBlade (BKS 79N1 – 790.85 của chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981; Trú tại: 124C C, V, Nha Trang đang dựng trước nhà, không có người trông coi, Th liền đến dùng đoạn bẻ khóa lấy trộm xe mang về phòng trọ của Đ. Lúc này Đ không có ở phòng trọ, đến 06 giờ 30 ngày 16/11/2017, Đ về thì Th nói cho Đ biết đây là xe máy Th trộm cắp được và nói Đ đưa BKS khác gắn vào xe trộm để tránh bị phát hiện. Đ đưa cho Th bịch nylon đựng BKS 79N1-833.20. Th thay BKS này vào xe vừa trộm, còn BKS 79N1-790.85 thì để lại trong phòng trọ. Lục trong bóp xe có 01 ví da thỏ cầm bên trong đựng một số giấy tờ tùy thân mang tên Nguyễn Thị Ngọc H đều để lại phòng trọ. Sau đó, Th đi chơi game, còn Đ thì ngủ trong phòng. Đến 09 giờ ngày 16/11/2017 tiến hành truy xét, công an thành phố Nha Trang đã phát hiện bắt giữ Th, Đ.

Tại Bản kết luận giám định tài sản số 402/TCKH ngày 17/11/2017 và Bản kết luận giám định tài sản số 473 /HĐĐG ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Honda AirBlade (BKS 79N1 – 790.85) có giá trị 26.980.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn*); ví thỏ cầm bằng vải có giá trị 100.000 đồng. Tổng cộng 27.080.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc Th và Nguyễn Duy Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số 31/KSĐT-XXSTHS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy Đ về các tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà*

có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự 1999; Bị cáo Nguyễn Ngọc Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e, khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Duy Đ và Nguyễn Ngọc Th và đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ từ 09 (chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và từ 09 (chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù;

Căn cứ vào điểm e, khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 27 (hai mươi bảy) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trương Đình V có mặt, ông Phan Tuấn V có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt. Những tài sản này chưa được thu hồi và các bị cáo cũng chưa thực hiện việc bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại theo quy định.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng, ông Phan Tuấn V đã nhận lại, đây là tiền riêng của bị cáo Nguyễn Duy Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trừ đi một phần giá trị bồi thường cho bị cáo Đ.

Bị hại Nguyễn Thị Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chu Thị Ngọc H, Bùi Văn D vắng mặt và không có yêu cầu gì nên tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, khi có yêu cầu.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định.

Về án phí và quyền kháng cáo: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo tại phần tranh luận phát biểu bài bào chữa: Về hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ ràng, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố nên đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo rất đáng thương, từ nhỏ cha mẹ ly hôn, cha đi làm ăn xa, mẹ có hoàn cảnh khó khăn, cũng phải tần tảo buôn bán vé số nên bị cáo không được sự chăm sóc của gia đình, sống lang bạt cùng bạn bè, lúc phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên còn hạn chế về khả năng nhận thức. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc người chưa thành niên phạm tội và xem xét xử bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất có thể, để bị cáo nhận thấy sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành công dân tốt, sớm về với gia đình và hòa nhập với xã hội.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Ngọc Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố. Các bị cáo không tranh luận gì về tội danh, hình phạt cũng như vấn đề bồi thường thiệt hại, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Người bào chữa, bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Phan Tuấn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn D đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Chu Thị Ngọc H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Th và Nguyễn Duy Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 02/11/2017 và ngày 15/11/2017, trên địa bàn thành phố Nha Trang, bị cáo Nguyễn Ngọc Th và bị cáo Nguyễn Duy Đ đã lợi dụng sự sơ hở thiếu cảnh giác không quản lý tài sản của người bị hại các bị cáo lén lút trộm cắp xe máy Honda AirBlade (BKS 79N1 – 833.20) của anh Phan Tuấn V. Sau đó, bị cáo Th tiếp tục một mình lén lút trộm cắp xe máy hiệu Honda AirBlade BKS 79N1- 639.92 của anh Trương Đình V và Honda AirBlade (BKS 79N1 – 790.85) của chị Nguyễn Thị Ngọc H cùng một số tài sản có giá trị khác. Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Ngọc Th chiếm đoạt là 84.960.000 đồng (Tám mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Duy Đ đã cùng bị cáo Nguyễn Ngọc Th thực hiện hành vi trộm cắp xe máy Honda AirBlade của anh Phan Tuấn V và một số tài sản khác có tổng giá trị 32.020.000 đồng (*Ba hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*); đối với chiếc xe máy hiệu Honda AirBlade BKS 79N1- 639.92 của anh Trương Đình V sau khi Th lén lút lấy trộm chiếc xe về phòng trọ và kể cho Đ nghe toàn bộ sự việc, Đ biết chiếc xe

Honda AirBlade BKS 79N1- 639.92 là do Th trộm cắp được mà có nhưng vẫn giúp Th tiêu thụ chiếc xe trên có giá trị 23.560.000 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Như vậy khẳng định Cáo trạng số 31/KSĐT-XXSTHS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy Đ về các tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự 1999; Bị cáo Nguyễn Ngọc Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e, khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng không lo tu dưỡng rèn luyện đạo đức, làm ăn lương thiện mà lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện tính tham lam, tư lợi và coi thường pháp luật của các bị cáo.

** Xét vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Ngọc Th với vai trò là người khởi xướng và người thực hiện hành vi tích cực nhất. Ngoài hành vi rủ rê bị cáo Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị cáo còn tự mình thực hiện nhiều vụ trộm cắp khác, có trị tài sản lớn. Đối với bị cáo Nguyễn Duy Đ khi nghe Th rủ thực hiện hành vi trộm cắp xe máy Honda AirBlade (BKS 79N1 – 833.20) của anh Phan Tuấn V bị cáo đã đồng ý ngay và đứng cạnh giới để bị cáo Th bẻ khóa lấy xe. Đối với chiếc xe máy hiệu Honda AirBlade BKS 79N1- 639.92 của anh Trương Đình V dù biết rõ đây là xe do Th trộm cắp được nhưng vẫn giúp Th tiêu thụ chiếc xe trên.

Xét nhân thân của các bị cáo: Ngoài vụ án này, các bị cáo cũng đã bị xử phạt về hành vi chiếm đoạt tài sản trong các bản án khác. Bị cáo Nguyễn Ngọc Th chưa đủ 18 tuổi, nhưng đã thực hiện rất nhiều vụ trộm cắp tài sản, khi đang bị điều tra truy tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại huyện T, tỉnh Ninh Thuận, được tại ngoại điều tra thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Nha Trang. Điều này thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính táo bạo, coi thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; tỏ thái độ ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự. Nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Th khi phạm tội bị cáo đang ở tuổi vị thành niên còn hạn chế về khả năng nhận thức nên Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại các Điều 90, 91 và Điều 101 Bộ

luật hình sự 2015 khi lượng hình đối với bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, tu dưỡng rèn luyện đạo đức, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại ông Trương Đình V có mặt yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe Honda AirBlade (BKS 79N1 – 833.20); ông Phan Tuấn V có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đối với chiếc xe máy Honda AirBlade (BKS 79N1-833.20). Xét yêu cầu bồi thường của người bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với tài sản là 02 chiếc xe máy Honda AirBlade (BKS 79N1 - 639.92) và Honda AirBlade (BKS 79N1 - 833.20) mà các bị cáo Nguyễn Duy Đ và Nguyễn Ngọc Th đã trộm cắp và tiêu thụ hiện chưa thu hồi được, các bị cáo cũng chưa thực hiện việc bồi thường; tại phiên tòa các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường cho những người bị hại là anh Phan Tuấn V và anh Trương Đình V. Bị cáo Nguyễn Ngọc Th đang ở độ tuổi từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại cho những người bị hại nhưng người đại diện hợp pháp của bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng cùng liên đới bồi thường cho người bị hại nên bị cáo Th đồng ý tự mình bồi thường cho người bị hại. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc các bị cáo Nguyễn Duy Đ và Nguyễn Ngọc Th phải liên đới bồi thường cho người bị hại là phù hợp theo quy định pháp luật. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, với tính chất, mức độ lỗi của các bị cáo trong vụ án là như nhau nên các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với mức bồi thường là như nhau.

Căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nha Trang, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Ngọc Th phải liên đới bồi thường cho ông Trương Đình V số tiền 23.560.000 (Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng, bồi thường cho ông Phan Tuấn V số tiền là 28.120.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Phan Tuấn V số tiền 4.000.000 đồng từ tiền thu giữ của bị cáo Đ. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy Đ trình bày, số tiền 4.000.000 đồng này là tiền dùng để sinh hoạt chung cho cả bị cáo và bị cáo Th nên đề nghị tòa án xem xét trừ phần bồi thường cho các bị cáo đối với giá trị bồi thường cho ông Phan Tuấn V, vì hoàn cảnh các bị cáo cũng khó khăn. Bị cáo đồng ý cùng bị cáo Th liên đới bồi thường giá trị xe máy chiếm đoạt của ông Phan Tuấn V theo giá trị của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nha Trang. Từ những phân tích trên, thì cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 23.840.000 (Hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng. Cụ thể bị cáo Nguyễn Duy Đ phải bồi thường cho ông Phan Tuấn V 12.060.000 (Mười hai triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng và bồi thường số tiền 11.780.000 (Mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng cho ông Trương Đình V. Bị cáo Nguyễn Ngọc Th phải bồi thường số tiền 12.060.000 (Mười hai triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng cho ông Phan Tuấn V và bồi thường số tiền 11.780.000 (Mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng cho ông Trương Đình V.

Đối với người bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn D đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Chu Thị Ngọc H vắng mặt và không yêu cầu bồi thường dân sự nên tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, khi có yêu cầu.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe máy hiệu Exiter màu xanh đen không biển số, số máy: 5371005537; số khung: RLCE5P7109Y005531 là tài sản hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên cần giao trả lại cho cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Nha Trang để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ 01 (một) biển số xe máy BKS 79N1 – 833.20 là tài sản của ông Trương Đình V; BKS 79H5 – 1221 là tài sản của ông Bùi Văn D nên xét thấy cần trả lại cho chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại di động hiệu Sony tình trạng máy bị rạn nứt phần mặt kính cảm ứng phía trước và 01 điện thoại di động hiệu Sam sung là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Duy Đ nên trả lại cho bị cáo Đ.

Đối với những vật chứng khác: Cơ quan điều tra Công an thành phố Nha Trang đã trả lại tài sản cho người bị hại theo quy định của pháp luật, không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc Th và Nguyễn Duy Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.292.000 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố :

- Bị cáo **Nguyễn Duy Đ** phạm các tội “ Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy Đ** 01 (Một) năm tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*” ; và 09 (Chín) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ phải chấp hành là **01(Một) năm 09 (Chín) tháng tù**; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (17/11/2017).

- Bị cáo **Nguyễn Ngọc Th** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Th 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (17/11/2017).

Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 40/2018/HSST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Th phải chấp hành hình phạt chung là **02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (17/11/2017).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Ngọc Th, mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Phan Tuấn V số tiền là **12.060.000** (*Mười hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) và bồi thường số tiền **11.780.000** (*Mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) cho ông Trương Đình V. Tổng cộng mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là **23.840.000** (*Hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Đối với người bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị Ngọc H, ông Bùi Văn D vắng mặt nên tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, khi có yêu cầu.

Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

+ Giao trả cho Công an thành phố Nha Trang 01 (một) xe máy hiệu Exiter màu xanh đen không biển số, số máy: 5371005537; số khung: RLCE5P7109Y005531 là tài sản hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Trả lại cho ông Trương Đình V 01 (một) biển số xe máy BKS 79N1 – 833.20 là tài sản của ông Trương Đình V.

+ Trả lại cho ông Bùi Văn D 01 (một) biển số xe máy BKS 79H5 – 1221 là tài sản của ông Bùi Văn D.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy Đ 01 điện thoại di động hiệu Sony tình trạng máy bị rạn nứt phần mặt kính cảm ứng phía trước và 01 điện thoại di động hiệu Samsung.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Nha Trang và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang).

+ Các vật chứng khác: Cơ quan điều tra Công an thành phố Nha Trang đã trả lại tài sản cho người bị hại theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Ngọc Th.

Buộc các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Ngọc Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và **1.192.000 đồng** (*Một triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Công an thành phố. Nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- Lưu: Án văn; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Hồng Minh